**Mẫu 1.3**

**MẪU KẾ HOẠCH NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

*(Dùng cho cơ sở sản xuất điện)*

**BÁO CÁO KẾ HOẠCH NĂM VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

[Tên cơ sở] báo cáo kế hoạch năm [năm N]       Ngày lập báo cáo [../../…..]

Mã số ID: [Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp]

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo) | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |
| Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia http://dataenergy.vn

Tên cơ sở: ……………………………………………………………………………………

Mã số thuế: ……………………………………………………………………………………

Địa chỉ: ………………………………………………………………… [Tên Huyện ....] [Tên Tỉnh…..]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo: ………………………………………………..

Điện thoại: ……………………………    Fax: …………………., Email: ……………………….

Trực thuộc (tên công ty mẹ): ………………………………………………………………..

Địa chỉ: …………………………………….    [Tên Huyện ....]     [Tên Tỉnh…….]

Điện thoại: ……………………..  Fax: ………………………., Email: …………………..

Chủ sở hữu: (Nhà nước/thành phần kinh tế khác)

Cơ sở đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng chưa?

□: Chưa áp dụng

□: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng

□: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo TCVN: ISO 50001

**I. Thông tin về cơ sở và sản phẩm**

**1.1 Năng lực sản xuất của cơ sở**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhiên liệu sử dụng** | **Loại nhiên liệu** | **Khối lượng SD/năm** | **Nhiệt trị thấp***(kJ/kg)* |
| Nhiên liệu chính  Nhiên liệu thay thế  Nhiên liệu phụ trợ 1  Nhiên liệu phụ trợ 2 |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số tổ máy** | **Công suất***(MW)* | **Hiệu suất thiết kế** | **Hiệu suất vận hành trung bình** | **Số tổ máy** | **Công suất***(MW)* | **Hiệu suất thiết kế** | **Hiệu suất vận hành trung bình** |
| Tổ máy 1 |  |  |  | Tổ máy 3 |  |  |  |
| Tổ máy 2 |  |  |  | Tổ máy 4 |  |  |  |

**1.2 Kết quả đạt được về mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng trong năm [Năm N-1]:**

Các giải pháp và kết quả đạt được (Đối chiếu với kế hoạch đã đăng ký ở mục 2.3 của Kế hoạch năm N-1 về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và ghi thêm các giải pháp bổ sung, nếu có)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp TKNL đã áp dụng** | **Loại nhiên liệu** | **Giải pháp tiết kiệm năng lượng đối với hệ thống (2)** | **Mô tả giải pháp** | **Kết quả đạt được** | **Chi phí (Triệu đồng)** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  | Mức tiết kiệm NL   (Đơn vị đo)  Mức tiết kiệm NL   (%)1  Tiết kiệm chi phí   (Tr. đồng)  Lợi ích khác  (là gì?) |  |  |
| …… | … | … | … | Mức tiết kiệm NL   (Đơn vị đo)  Mức tiết kiệm NL   (%)1  Tiết kiệm chi phí   (Tr. đồng)  Lợi ích khác  (là gì?) | … | … |

(1) So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, phụ tải cho thiết bị chuyển động, v.v...), không so với tổng năng lượng sử dụng.

(2) Điền mã hệ thống bằng cách lựa chọn theo danh mục mã hệ thống.

**II. Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm [năm N]**

**2.1 Dự kiến chỉ tiêu:**

**Công suất sản xuất theo kế hoạch của cơ sở**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| (chọn đơn vị đo phù hợp với loại sản phẩm là tấn/năm; m/năm; m2/năm; m3/giờ v.v...) | | | |
| **Năng lực SX**  **Tên sản phẩm** | **Đơn vị đo** | **Theo thiết kế** | **Mức sản xuất dự kiến** |
|  |  |  |  |
| ……….. |  |  |  |

**2.2 Dự kiến mức sử dụng nhiên liệu**

*2.2.1. Tiêu thụ nhiên liệu*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại năng lượng** | **Đơn vị tính(\*)** | **Lượng tiêu thụ** | **Ghi chú** |
| 1 | Than (2\*) | Tấn |  |  |
| 2 | Dầu DO | 1.000 Lít (tấn) |  |  |
| 3 | Dầu FO | 1.000 Lít (tấn) |  |  |
| 4 | LPG | Tấn |  |  |
| 5 | Khí tự nhiên (Natural Gas) | Tấn |  |  |
| 6 | Xăng | Tấn |  |  |
| 7 | Gỗ/Trấu | Tấn |  |  |
| 8 | Các dạng sinh khối khác (Biomass...) | Tấn |  |  |
| 9 | Năng lượng khác(3\*) | (ghi rõ đơn vị tính) |  |  |

Ghi chú:

(\*): Lựa chọn loại đơn vị cho phù hợp;

(2\*): Lựa chọn loại than phù hợp trên hệ thống http://dataenergy.vn;

(3\*): Với năng lượng khác cần ghi rõ loại năng lượng và cung cấp nhiệt trị của năng lượng.

*2.2.2 Tiêu thụ điện*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| I. Điện năng mua từ lưới: | Công suất đăng ký ………..kW | Điện năng ………….103 kWh/năm |
| II. Điện tự sản xuất (phần tự dùng) |  | Điện năng tự dùng: ………103 kWh/năm |

**2.3 Kế hoạch và mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng năm [năm N]:**

**Các giải pháp và dự kiến kết quả** *(Đối chiếu với kế hoạch 5 năm đã đăng ký của kỳ và các giải pháp bổ sung, nếu có, trong năm kế hoạch)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp TKNL đã áp dụng** | **Loại nhiên liệu** | **Giải pháp tiết kiệm năng lượng đối với hệ thống (2)** | **Mô tả giải pháp** | **Kết quả đạt được** | **Chi phí (Triệu đồng)** | **Ghi chú** |
| …….  …….  ……. |  |  |  | Mức tiết kiệm NL   (Đơn vị đo)  Mức tiết kiệm NL   (%)(1)  Tiết kiệm chi phí   (Tr. đồng)  Lợi ích khác  (là gì?) |  |  |

(1) So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, phụ tải cho thiết bị chuyển động, v.v...), không so với tổng năng lượng sử dụng.

(2) Điền mã hệ thống bằng cách lựa chọn theo danh mục mã hệ thống.

***Cam kết***

Được sự ủy quyền của Giám đốc Công ty [Tên Công ty] về việc dự thảo và báo cáo kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm [năm N] của [Tên Công ty hoặc Chi nhánh/Nhà máy trực thuộc được báo cáo trong kế hoạch], tôi cam kết đã kiểm tra kỹ các dữ liệu trong báo cáo, đảm bảo các dữ liệu là chính xác theo hiểu biết của bản thân tôi và xin chịu trách nhiệm về các dữ liệu đã báo cáo.

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày báo cáo […../…./….]* **Người lập kế hoạch** | **Người đứng đầu cơ sở duyệt** |